

CÔNG TY TNHH KINH DOANH VẬN TẢI TÂN AN THÀNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH VẬN TẢI TÂN AN THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN AN THANH TRANSPORT BUSINESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TAN AN THANH TRANSPORT BUSINESS CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110771686

3. Ngày thành lập: 02/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 32, phố Trần Quốc Hoàn, tổ 01, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984738615

Fax:

Email: tananthanh24@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: Xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh; - Vận tải hàng nặng, vận tải container; - Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đồ phế liệu, phế thải, rác thải. - Hoạt động chuyên đồ đặc; - Cho thuê xe tải có người lái; Vận tải hàng hóa bằng xe động vật hoặc người kéo.	4933
2.	Cho thuê xe có động cơ (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	7710
3.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
4.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
5.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
6.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541

9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ. (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
10.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ	4520
11.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý xe có động cơ các loại; (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
12.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải: Giao nhận hàng hóa; hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa	5229
14.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
15.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ dùng cho gia đình	4649
17.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị	7730
18.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	4663
20.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
21.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống xây dựng	4329
22.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
23.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

24.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Dịch vụ tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ giáo dục dịch vụ tư vấn giáo dục	8560
27.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể; Dạy về tôn giáo)	8559
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng	4659
29.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
30.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
31.	In ấn Chi tiết: Dịch vụ in ấn	1811
32.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
34.	Bán buôn thực phẩm	4632
35.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: Bán buôn gạo	4631
36.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
37.	Chăn nuôi gia cầm	0146
38.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn Chi tiết: Chăn nuôi lợn	0145
39.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai Chi tiết: Chăn nuôi dê, cừu	0144
40.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa Chi tiết: Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
41.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò Chi tiết: Chăn nuôi trâu, bò	0141
42.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
43.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các thực phẩm	1079
44.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sản xuất món ăn, thức ăn pha chế sẵn	1075
45.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự Chi tiết: Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự	1074

46.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo Chi tiết: Sản xuất ca cao, socola và mứt kẹo	1073
47.	Sản xuất đường	1072
48.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
49.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
50.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
51.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
52.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng hoa	0118
53.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: cây cảnh Trồng cây lâu năm	0129
54.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác lâm sản trừ gỗ	0231
55.	Khai thác gỗ	0220
56.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
57.	Trồng cây chè	0127
58.	Trồng cây cà phê	0126
59.	Trồng cây điều	0123
60.	Trồng cây hồ tiêu	0124
61.	Trồng cây cao su	0125
62.	Trồng cây ăn quả	0121
63.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc cây rừng	0210
64.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
65.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
66.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Hoạt động của cáp treo, đường sắt trong phạm vi sân bay, đường sắt leo núi; Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách	4932(Chính)
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; (Trừ hoạt động đầu giá)	8299

68.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
69.	Điều hành tua du lịch	7912
70.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
71.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát karaoke và vũ trường)	5510
72.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
73.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
74.	Bán buôn đồ uống	4633
75.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
76.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
77.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: - Bán buôn vải - Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác - Bán buôn hàng may mặc - Bán buôn giày dép	4641

6. **Vốn điều lệ:** 11.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN TUYỀN	Việt Nam	Tổ dân phố Hồng Ngự, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	10.000.000.000	90,909	001082034083	
2	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Việt Nam	Số 23/85 đường Xuân Thủy, tổ 14, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	9,091	001088015925	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: LÊ THU HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/07/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001188011016

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 01, ngõ 63, phố Trần Quốc Vượng, tổ 12, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 01, ngõ 63, phố Trần Quốc Vượng, tổ 12, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội